TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2026/DS-PT
Ngày: 06/3/2026
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Phong

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Công Sự

Ông Nguyễn Viết Hùng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Ngọc Đức- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*** Bà Trần Thị Loan- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 728/2025/TLPT-DS ngày 12/12/2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 140/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3- Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 48/2026/QĐ-PT ngày 15 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 168/2026/QĐ-PT ngày 09 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đoàn Công T, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai (nay là khu phố B, phường T, tỉnh Đồng Nai)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Văn Ú, sinh năm 1979 và ông Dương Đức V, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số 16 Nguyễn Du, khu phố Bình Thiền, phường Trấn Biên, tỉnh Đồng Nai

2. Bị đơn: Ông Lê Thanh T1, sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ A, ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai (nay là tổ A, khu phố C, phường T, tỉnh Đồng Nai)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Văn D - Luật sư thuộc Công ty L - Đoàn Luật sư Thành phố H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1957

Địa chỉ: Số A đường N, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh

4. Người kháng cáo: Ông Đoàn Công T, sinh năm 1988.

(Các đương sự mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

** Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ông T là cháu ruột của ông Lê Thanh T1 (gọi bằng cậu). Ngày 04/01/2022 ông T1 có vay của ông T số tiền 300.000.000 đồng theo giấy mượn tiền đề ngày 04/01/2022 ghi rõ số tiền vay là 300.000.000 đồng. Ngoài ra ông T còn cho ông T1 vay số tiền 250.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản tiền vào số tài khoản của ông T1 vào ngày 04/01/2022; số tiền 100.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của ông T1 ngày 06/10/2022; số tiền 3.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của ông T1 ngày 20/7/2023. Việc vay tiền giữa ông T và ông T1 không thỏa thuận lãi suất. Sau khi vay tiền thì ông T đã nhiều lần yêu cầu ông T1 thanh toán lại số tiền đã vay nhưng ông T không thanh toán. Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/7/2024 ông T xác định ông T1 còn nợ ông T số tiền 565.000.000 đồng nợ gốc và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T1 phải thanh toán lại cho ông T số tiền nợ gốc 565.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Dương Đức V xác định lại số tiền nợ gốc mà ông T1 nợ ông T là 653.000.000 đồng, đồng ý cấn trừ số tiền 272.000.000 đồng mà ông T1 đã chuyển khoản nhiều lần vào số tài khoản của ông T đồng thời rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông T1 trả lại số tiền nợ gốc còn thiếu là 381.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền nợ lãi.

** Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Thanh T1 trình bày:*

Ông Lê Thanh T1 là cậu ruột của ông Đoàn Công T. Do cần tiền để xử lý việc cá nhân nên ông T1 có vay tiền của ông T đúng như nội dung giấy mượn tiền đề ngày 04/01/2022 mà ông T nộp cho Tòa án, số tiền vay là 300.000.000 đồng trong đó ông T chuyển khoản cho ông T1 số tiền 250.000.000 đồng và đưa tiền mặt 50.000.000 đồng. Ông T trình bày số tiền vay 565.000.000 đồng là không đúng. Tại phiên tòa đại diện của ông T xác định tổng cộng số tiền nợ gốc là 653.000.000 ông T1 cũng không đồng ý. Sau khi đối chiếu các chứng từ ông T1 xác định ngày 20/7/2023 có nhận của ông T 3.000.000 đồng qua hình thức chuyển khoản nên ông T1 xác định số tiền này cũng là tiền vay. Còn số tiền 100.000.000 đồng chuyển khoản ngày 06/10/2022 không phải là tiền vay mà là tiền ông T nhờ ông T1 đặt cọc đất dùm. Quá trình vay thì ông T1 đã chuyển khoản trả lại cho ông T tổng cộng được 272.000.000 đồng được thể hiện tại các chứng từ chuyển khoản đến số tài khoản của ông T nên ông T1 chỉ đồng ý trả lại cho ông T số tiền nợ gốc còn lại là 31.000.000 đồng (303.000.000 đồng – 272.000.000 đồng).

** Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành C trình bày:*

Ông C có quen biết ông Đoàn Công T và ông Lê Thanh T1 do có hùn tiền để đầu tư đất. Ông C và ông T có góp tiền cùng nhau mua 01 lô đất ở xã B, huyện V sau đó làm thủ tục tách thửa để bán. Khoảng tháng 10/2022 ông T1 có gặp ông C đưa số tiền 100.000.000 đồng để đặt cọc 01 lô đất, việc này không có làm văn bản giấy tờ gì vì đã cùng nhau làm ăn từ lâu nên tin tưởng. Tuy nhiên ông T1 không mua đất nên mất cọc. Sau khi ông T1 bỏ cọc 100.000.000 đồng thì ông T có gặp ông C và nói số tiền 100.000.000 đồng là do ông T nhờ ông T1 đặt cọc dùm thì ông C không đồng ý vì lúc ông T1 giao tiền ông T không nói gì với ông C. Tuy nhiên do làm ăn cùng nhau đã lâu nên ông C đã chia lại cho ông T số tiền 50.000.000 đồng. Ông C xác định không liên quan gì đến việc vay tiền giữa ông T và ông T1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 140/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3- Đồng Nai:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Công T về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" đối với bị đơn ông Lê Thanh T1.

Buộc ông Lê Thanh T1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đoàn Công T số tiền 31.000.000 đồng (ba mươi mốt triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn ông Đoàn Công T về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" với bị đơn ông Lê Thanh T1 đối với số tiền 262.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi hai triệu đồng).

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Công T về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" với bị đơn ông Lê Thanh T1 đối với số tiền 272.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi hai triệu đồng).

4. Về biện pháp khẩn cấp tạm thời: Giữ nguyên biện pháp khẩn cấp tạm thời về việc "*Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ*" đối với bị đơn ông Lê Thanh T1 theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 543/2024/QĐ-BPKCTT ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền thi hành án.

Ngày 13 tháng 10 năm 2025 nguyên đơn ông Đoàn Công T nộp đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm theo hướng yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử và tại phiên tòa. Các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về đề xuất quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 31.000.000 đồng là có căn cứ. Nguyên đơn ông T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích trên đề xuất Hội đồng xét xử: không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Đoàn Công T, áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Đoàn Công T nộp trong thời hạn luật định và đã đóng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ.

[1.3] Về người tham gia phiên tòa: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[1.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không thay đổi nội dung kháng cáo.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu ông T1 trả số tiền vay là 565.000.000 đồng và lãi suất.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định số tiền đã cho ông T1 vay là 653.000.000 đồng (Trong đó: ngày 04/01/2022 vay 250.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản và 300.000.000 đồng bằng tiền mặt; ngày 06/10/2022 vay 100.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản; ngày 20/7/2023 vay 3.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản), cấn trừ số tiền bị đơn đã trả là 272.000.000 đồng, yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 381.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Cấp sơ thẩm căn cứ theo yêu cầu khởi kiện 565.000.000 đồng, không giải quyết đối với phần vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu (653.000.000 đồng – 565.000.000 đồng = 88.000.000 đồng), xác định số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán là 293.000.000 đồng, không xem xét giải quyết đối với tiền lãi là phù hợp.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn:

[3.1] Nguyên đơn cung cấp giấy mượn tiền đề ngày 04/01/2022 với nội dung ông Lê Thanh T1 mượn của ông T số tiền 300.000.000 đồng. Nguyên đơn trình bày ngày 04/01/2022 có cho ông T1 vay 550.000.000 đồng, trong đó 250.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, 300.000.000 đồng tiền mặt.

Căn cứ theo nội dung sao kê các tài khoản số 084704071111111 tại Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H mang tên ông Đoàn Công T và tài khoản số 107866861032 tại Ngân hàng thương mại cổ phần C1 mang tên ông

Lê Thanh T1 thể hiện: Ngày 04/01/2022 ông T có chuyển khoản vào số tài khoản của ông T1 số tiền 250.000.000 đồng.

Bị đơn ông T1 thừa nhận ngày 04/01/2022 có vay của ông T 300.000.000 đồng, trong đó 250.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản và 50.000.000 đồng tiền mặt là phù hợp với nội dung giấy mượn tiền và thông tin sao kê ngân hàng như nêu trên.

Nguyên đơn trình bày ngày 04/01/2022 ngoài số tiền chuyển khoản nói trên còn cho bị đơn vay 300.000.000 đồng tiền mặt nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh.

[3.2] Đối với số tiền 100.000.000 đồng ông T chuyển khoản cho ông T1 ngày 06/10/2022 có nội dung "Tuan ck coc lo dat 308b 114,5m2 xa Binh Loi":

Nguyên đơn trình bày đây là số tiền cho ông T1 vay để ông T1 đặt cọc mua đất, bị đơn xác định số tiền này là ông T chuyển cho ông T1 để nhờ ông T1 đặt cọc đất với ông Nguyễn Thành C.

Tại biên bản thỏa thuận (không đề ngày, chỉ đề năm 2022) giữa ông Đoàn Công T và ông Nguyễn Thành C thể hiện ông T và ông C thỏa thuận cùng góp tiền để nhận chuyển nhượng diện tích 454m^2 thuộc thửa 308 tờ bản đồ số 17 xã B, mỗi bên góp vốn 50%. Tại biên bản đối chất ngày 19/9/2025 ông C xác định ông T1 có giao cho ông 100.000.000 đồng để "*đặt cọc lô đất mà tôi và ông T có hùn hạp nhau để mua đất*" và "*Sau đó ông T có liên hệ với tôi nói rằng số tiền cọc 100.000.000 đồng này là do ông T nhờ ông T1 đặt cọc dùm*".

Lời trình bày của bị đơn về việc số tiền 100.000.000 đồng này không phải là tiền vay mà là tiền ông T nhờ ông T1 đặt cọc đất là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong vụ án. Do đó, ông T yêu cầu ông T1 trả số tiền vay 100.000.000 đồng nêu trên là không có căn cứ để chấp nhận.

[3.3] Đối với số tiền 3.000.000 đồng ông T chuyển khoản cho ông T1 vào ngày 20/7/2023: Ông T1 thừa nhận đây là khoản tiền vay của ông T

Từ những nội dung trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định số tiền ông T đã cho ông T1 vay là 303.000.000 đồng là có căn cứ.

[3.4] Về việc trả tiền vay của ông T1: Căn cứ theo nội dung sao kê tài khoản ngân hàng xác định, tổng số tiền mà ông T1 đã chuyển lại cho ông T theo các giao dịch chuyển khoản là 272.000.000 đồng. Số tiền ông T1 còn nợ ông T là 31.000.000 đồng.

[3.5] Tại cấp phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông T1 trả số tiền vay là 381.000.000 đồng. Tuy nhiên ngoài khoản tiền 31.000.000 đồng như đã nêu trên, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho nội dung kháng cáo của mình, đồng thời lời trình bày của nguyên đơn là không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo.

[4] Về biện pháp khẩn cấp tạm thời: Do ông T1 phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông T nên cần quyết định giữ nguyên Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời về việc "Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ" đối với ông Lê Thanh T1.

[5] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Cấp sơ thẩm buộc ông Đoàn Công T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 13.100.000 đồng (*Mười ba triệu một trăm ngàn đồng.*

Ông Lê Thanh T1 phải chịu án phí có giá ngạch là 1.550.000 đồng (*Một triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng*) là phù hợp.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đoàn Công T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí phúc thẩm.

[6] Quan điểm và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều các Điều 463, 465, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đoàn Công T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 140/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3- Đồng Nai.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Công T về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" đối với bị đơn ông Lê Thanh T1.

Buộc ông Lê Thanh T1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đoàn Công T số tiền 31.000.000 đồng (*Ba mươi mốt triệu đồng*).

Kể từ ngày ông Đoàn Công T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Thanh T1 chậm thanh toán khoản tiền nêu trên thì phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn ông Đoàn Công T về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" với bị đơn ông Lê Thanh T1 đối với số tiền 262.000.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi hai triệu đồng*).

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Công T về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" với bị đơn ông Lê Thanh T1 đối với số tiền 272.000.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi hai triệu đồng*).

4. Về biện pháp khẩn cấp tạm thời: Giữ nguyên biện pháp khẩn cấp tạm thời về việc "*Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ*" đối với bị đơn ông Lê Thanh T1 theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 543/2024/QĐ-BPKCTT ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

5. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đoàn Công T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền không được chấp nhận là 13.100.000 đồng (*Mười ba triệu một trăm ngàn đồng*), được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.300.000 đồng theo biên lai thu số 0009754 ngày 09/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu (nay là Phòng Thi hành án dân sự số 3- Đồng Nai). Hoàn trả cho ông Đoàn Công T số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*).

Ông Lê Thanh T1 phải chịu án phí có giá ngạch là 1.550.000 đồng (*Một triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng*)

- Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đoàn Công T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí phúc thẩm, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0004422 ngày 21/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND khu vực;
- VKSND tỉnh;
- THADS;
- Đương sự;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Phong